

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14/4/2026

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đợi.

Ông Từ Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Tiêu T, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã P, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã P, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị Tiêu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng T1 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là xã P), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 22/02/2010. Sau khi kết hôn,

thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Năm 2022, anh T1 đã nộp đơn về việc ly hôn với chị và năm 2025, chị đã nộp đơn về việc xin ly hôn anh T1. Mặc dù cả chị T, anh T1 đều rút đơn ly hôn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng quá trình sống chung, tuy cả hai đã cố gắng vun đắp, xây dựng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Nhật T2, sinh ngày 31/10/2004 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/4/2017. Cháu T2 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu H đang sống cùng với chị và anh T1. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, nhưng tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thu thập chứng cứ và trình tự xét xử; nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147, 208, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 4, 7, 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Tiêu T; cho chị T được ly hôn anh T1, giao cháu Nguyễn Khánh H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; Cháu Nguyễn Đăng Nhật T2 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Ngô Thị Tiêu T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Đăng T1, anh T1 có nơi cư trú tại Thôn T, xã P, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[1.3] Anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên căn cứ vào Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tiêu T và anh Nguyễn Đăng T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là xã P), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/02/2010 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày thì giữa chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Năm 2022, anh T1 đã nộp đơn yêu cầu ly hôn chị, nhưng sau đó đã rút đơn; năm 2025, chị đã nộp đơn ly hôn anh T1, sau đó chị T cũng đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn, nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến trình bày hay phản đối các tình tiết, sự kiện mà chị T trình bày về nguyên nhân và quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề khác như đã nêu trên. Căn cứ quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà chị T đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, anh T1 không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa thể hiện anh T1 không quan tâm, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đăng Nhật T2, sinh ngày 31/10/2004 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/4/2017. Cháu T2 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xem xét cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H là con gái, hiện nay cháu H được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; nay cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Theo biên bản ghi lời trình bày ngày 23/01/2026, cháu H có nguyện vọng muốn

sống cùng mẹ là chị T. Chị T có thu nhập thực tế khoảng 8.000.000 đồng/tháng từ nghề buôn bán, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để chị T biết nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của con, nhưng chị T vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung là cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

[2.4] Chị Ngô Thị Tiêu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ngô Thị Tiêu T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000089 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 21, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tiêu T được ly hôn anh Nguyễn Đăng T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 11/4/2017 cho chị Ngô Thị Tiêu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đăng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đăng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Tiêu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ngô Thị Tiêu T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000089 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV5 – Quảng Ngãi;
- UBND xã P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Dung**